

TẬP LÀM VĂN

KỂ LẠI LỜI NÓI, Ý NGHĨ CỦA NHÂN VẬT

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nắm được tác dụng của việc dùng lời nói và ý nghĩ của nhân vật để khắc hoạ tính cách nhân vật, nói lên ý nghĩa câu chuyện.

2. Bước đầu biết kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật trong bài văn kể chuyện theo hai cách : trực tiếp và gián tiếp.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Ba, bốn tờ phiếu khổ to viết nội dung các BT1, 2, 3 (phần Nhận xét), kẻ bảng dưới BT1 (xem mẫu ở dưới). Riêng BT3 viết bằng mực xanh, đỏ phân biệt hai cách dẫn lời nói trực tiếp và lời nói gián tiếp.

– Sáu tờ phiếu khổ to viết nội dung các BT ở phần Luyện tập : hai phiếu viết nội dung BT1, hai phiếu kẻ bảng để HS làm BT2, hai phiếu kẻ bảng làm BT3 (xem mẫu ở phần lời giải).

Lời dẫn gián tiếp	Lời dẫn trực tiếp
Vua...	
Bà lão...	
Vua...	

Lời dẫn trực tiếp	Lời dẫn gián tiếp
Bác thợ... : – ...	
Hoè... : – ...	

– VBT Tiếng Việt 4, tập một (nếu có).

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

A – KIỂM TRA BÀI CŨ

– Một HS nhắc lại nội dung cần ghi nhớ trong tiết TLV trước (*Tả ngoại hình của nhân vật trong bài văn kể chuyện*).

– Một HS trả lời câu hỏi : *Khi cần tả ngoại hình nhân vật, cần chú ý tả những gì ? Lấy ví dụ về cách tả ngoại hình nhân vật trong truyện "Người ăn xin" để minh họa.* (Khi tả ngoại hình nhân vật, cần chú ý tả những đặc điểm tiêu biểu. VD : Ông lão trong truyện *Người ăn xin* được tả như sau : hình dáng *lom khom* ; áo quần *tả tơi thảm hại* ; đôi mắt *đỏ đục và giàn giụa nước mắt*, đôi môi *tái nhợt* ; bàn tay *sưng húp, bần thủ.*)

B – DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài : Trong bài văn KC, nhiều khi phải kể lại lời nói và ý nghĩ của nhân vật. Lời nói và ý nghĩ của nhân vật đóng vai trò quan trọng như thế nào trong bài văn KC, tiết học hôm nay sẽ giúp các em hiểu điều đó.

2. Phân Nhận xét

Bài tập 1, 2

– Một HS đọc yêu cầu của BT1, 2.

– Cả lớp đọc bài *Người ăn xin*, viết nhanh vào vở hoặc VBT những câu ghi lại lời nói, ý nghĩ của cậu bé ; nêu nhận xét : *Lời nói và ý nghĩ của cậu bé nói lên điều gì về cậu ?* GV phát riêng phiếu cho 3 – 4 HS làm bài tại chỗ.

– HS phát biểu ý kiến. GV nhận xét.

– GV mời 3 – 4 HS làm bài trên phiếu dán bài lên bảng lớp, trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét, giữ lại bài làm có lời giải đúng.

– Cả lớp sửa bài theo lời giải đúng :

Ý 1 (trả lời viết) :

Những câu ghi lại ý nghĩ của cậu bé

+ *Chao ôi ! Cảnh nghèo đói đã gặm nát con người đau khổ kia thành xấu xí biết nhường nào !*

+ *Cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được chút gì của ông lão.*

Câu ghi lại lời nói của cậu bé

" – Ông đừng giận cháu, cháu không có gì để cho ông cả."

Ý 2 (trả lời miệng) : Lời nói và ý nghĩ của cậu bé cho thấy cậu là một người nhân hậu, giàu lòng trắc ẩn, thương người.

Bài tập 3

– GV treo bảng phụ đã ghi sẵn 2 cách kể lại lời nói, ý nghĩ của ông lão bằng 2 loại phấn màu khác nhau để HS dễ phân biệt.

– Một, hai HS đọc nội dung BT2.

– Từng cặp HS đọc thầm lại các câu văn, suy nghĩ, trao đổi, trả lời câu hỏi : *Lời nói, ý nghĩ của ông lão ăn xin trong 2 cách kể đã cho có gì khác nhau ?* GV phát phiếu cho một vài HS.

– HS phát biểu ý kiến. Cả lớp và GV nhận xét. GV chốt lại (trực quan) bằng cách mời tiếp em HS làm bài trên phiếu có lời giải đúng dán bài lên bảng lớp, trình bày lại kết quả. Lời giải :

- | | |
|--------|---|
| Cách 1 | Tác giả dẫn trực tiếp , nguyên văn lời của ông lão. Do đó các từ xưng hô là từ xưng hô của chính ông lão với cậu bé (<i>cháu – lão</i>). |
| Cách 2 | Tác giả (nhân vật xưng <i>tôi</i>) thuật lại gián tiếp lời của ông lão. Người kể xưng <i>tôi</i> , gọi người ăn xin là <i>ông lão</i> . |

3. Phân Ghi nhớ

- Hai, ba HS đọc nội dung Ghi nhớ trong SGK. Cả lớp đọc thầm lại.
- GV có thể khắc sâu nội dung ghi nhớ bằng cách phân tích thêm ví dụ về một hiện tượng ngay trong lớp : *Lé trách Hà dè tay lên vở, làm quăn vở của Lé.* (Dẫn lời nói **gián tiếp** của Lé.) Hà vội nói : "Mình xin lỗi. Mình không cố ý." (Dẫn lời nói **trực tiếp** của Hà.)

4. Phân Luyện tập

Bài tập 1

- Một HS đọc nội dung BT1.
- GV nhắc HS :
 - + Lời dẫn trực tiếp thường được đặt trong dấu ngoặc kép. (VD : *Cậu bé cảm thấy mình có lỗi vì "không có gì để cho ông cả."*)
 - + Nếu lời dẫn trực tiếp là một câu hay đoạn trọn vẹn thì nó được đặt sau dấu hai chấm phối hợp với dấu gạch ngang đầu dòng (trong trường hợp lời dẫn ấy là lời đối thoại) hoặc phối hợp với dấu ngoặc kép (cả trong trường hợp lời dẫn là lời đối thoại lẫn những trường hợp khác).
 - + Lời dẫn gián tiếp không được đặt trong dấu ngoặc kép hay sau dấu gạch ngang đầu dòng, nhưng trước nó có thể có hoặc có thể thêm các từ *rằng, là* và dấu hai chấm. VD : *Khi ấy, tôi chợt hiểu rằng : cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được chút gì của ông lão.* Đây là những dấu hiệu phân biệt lời dẫn gián tiếp với những trường hợp không phải là lời dẫn, VD : *Ông rên rỉ cầu xin cứu giúp.*
- HS đọc thầm lại đoạn văn, trao đổi, tìm lời dẫn trực tiếp và gián tiếp trong đoạn văn. GV phát riêng phiếu cho 2 HS làm bài tại chỗ.
- HS phát biểu ý kiến. GV chốt lại bằng cách mời em HS làm bài đúng trên phiếu trình bày kết quả (gạch 1 gạch dưới câu dẫn lời nói gián tiếp, gạch 2 gạch dưới câu dẫn lời nói trực tiếp). Lời giải :
 - + Lời dẫn gián tiếp : (Cậu bé thứ nhất định nói dối là) *bị chó sói đuổi.*
 - + Lời dẫn trực tiếp : – *Còn tớ, tớ sẽ nói là đang đi thi gặp ông ngoại.*
– *Theo tớ, tốt nhất là chúng mình nhận lỗi với bố mẹ.*

Bài tập 2

- Một HS đọc yêu cầu của bài. Cả lớp đọc thầm lại.
- GV gợi ý : Muốn chuyển lời dẫn gián tiếp thành lời dẫn trực tiếp thì phải nắm vững đó là lời nói của ai, nói với ai. Khi chuyển :
 - + Phải thay đổi từ xưng hô.
 - + Phải đặt lời nói trực tiếp sau dấu hai chấm, trong dấu ngoặc kép (hoặc đặt sau dấu hai chấm, xuống dòng, gạch đầu dòng).
- Một HS giỏi làm bài mẫu với câu 1. Cả lớp và GV nhận xét.
- Cả lớp làm vào vở hoặc VBT. GV phát phiếu cho 2 HS.
- Hai HS làm bài trên phiếu trình bày kết quả làm bài. GV chốt lại lời giải :

Lời dẫn gián tiếp	Lời dẫn trực tiếp
<i>Vua nhìn thấy những miếng trầu têm rất khéo bèn hỏi bà hàng nước xem trầu đó ai têm,</i> <i>Bà lão bảo chính tay bà têm.</i>	→ Vua nhìn thấy những miếng trầu têm rất khéo bèn hỏi bà hàng nước : <ul style="list-style-type: none">- Xin cụ cho biết ai đã têm trầu này.
<i>Vua gặng hỏi mãi, bà lão đành nói thật là con gái bà têm.</i>	→ Bà lão bảo : <ul style="list-style-type: none">- Tàu Bệ hạ, trầu do chính già têm đấy ạ !
	→ Nhà vua không tin, gặng hỏi mãi, bà lão đành nói thật : <ul style="list-style-type: none">- Thưa, đó là trầu do con gái già têm.

Bài tập 3

- Một HS đọc yêu cầu của bài. Cả lớp đọc thầm lại.
- GV gợi ý : BT này yêu cầu các em làm ngược lại với BT trên (chuyển lời dẫn trực tiếp thành gián tiếp). Muốn làm đúng BT, em cần xác định rõ lời đó là của ai nói với ai. Sau đó tiến hành :
 - + Thay đổi từ xưng hô.
 - + Bỏ các dấu ngoặc kép hoặc gạch đầu dòng, gộp lại lời kể chuyện với lời nói của nhân vật.
- Cách thực hiện tiếp theo giống BT2 : 1 HS giỏi làm mẫu 1 lời dẫn trực tiếp thành gián tiếp. Cả lớp và GV nhận xét. HS làm bài cá nhân. Hai HS làm bài trên phiếu, trình bày kết quả. GV chốt lại lời giải đúng.

Lời giải :

Lời dẫn trực tiếp	Lời dẫn gián tiếp
<i>Bác thợ hỏi Hoè :</i> <ul style="list-style-type: none">- <i>Cháu có thích làm thợ xây không ?</i>	→ Bác thợ hỏi Hoè là <i>cậu</i> có thích làm thợ xây không.
<i>Hoè đáp :</i> <ul style="list-style-type: none">- <i>Cháu thích lắm !</i>	→ Hoè đáp rằng <i>Hoè</i> thích lắm.

5. Củng cố, dặn dò

- GV nhận xét tiết học.
- Yêu cầu HS về nhà học thuộc nội dung cần ghi nhớ. Tìm 1 lời dẫn trực tiếp, một lời dẫn gián tiếp trong bài tập đọc bất kì.